

Cải tiến hoạt động phân tích tài chính ở doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa trên địa bàn Hà Nội : Luận văn ThS. Kinh doanh và quản lý: 60 34 05 / Nguyễn Đức Trí ; Nghd. : TS. Nguyễn Quang Hùng

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã mang đến một luồng gió mới cho nền kinh tế Việt Nam. Đó là một nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Trong bước ngoặt này, vai trò kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp này đã bộ nhiều bất cập như: thiếu vốn, hoạt động kém hiệu quả và mang tính manh mún, cơ chế quản lý lúng túng, kỹ thuật lạc hậu...dẫn đến tình trạng các DNNN không phát huy được khả năng vai trò của mình. Trước thực trạng trên, Đảng và nhà nước đã chủ trương đổi mới các DNNN, trong đó cổ phần hoá DNNN là một chương trình quan trọng.

Chuyển sang mô doanh nghiệp mới, đáp ứng những đòi hỏi khách quan về quản lý của loại hình doanh nghiệp này, mặt khác khắc phục những tồn tại của mô hình kinh tế nhà nước để theo kịp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp cổ phần trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế, nên hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp có nghĩa cực kỳ quan trọng, thông tin tài chính của doanh nghiệp cổ phần không những đáp ứng nhu cầu quản trị tài chính doanh nghiệp mà còn là công cụ tăng cường hiệu quả quản trị tài chính mà còn giúp cho các đối tượng quan tâm các nhà đầu tư có được thông tin đầy đủ tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp. Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả chọn đề tài của luận văn là: **“CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SAU CỔ PHẦN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI”**.

2. Tình hình nghiên cứu

Phạm Việt Hà - Vũ Mạnh Thắng. “*Phân tích tài chính và tài trợ doanh nghiệp*” Nhà XB Thống kê Hà Nội 1993.

Phạm Thị Quý. “*Hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá*” Bảo vệ năm 2003

Nguyễn Năng Phúc. “*Phân tích tài chính Công ty cổ phần*”. Nhà XB tài chính 2006.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đánh giá thực trạng hoạt động phân tích tài chính

Đề xuất giải pháp cải tiến hoạt động phân tích tài chính.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu phải tập trung:

Những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến hoạt động phân tích.

Thực trạng hoạt động phân tích tài chính ở một số doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội.

Phân tích đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

Trên cơ sở đó đưa ra hướng tiếp cận các vấn đề tồn tại, đề xuất các giải pháp để cải tiến hoạt động phân tích tài chính

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là: Lý luận và thực tiễn hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ nghiên cứu nội dung, phương pháp của hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội (tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá hoạt động sản xuất kinh doanh, không nghiên cứu các doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiền tệ).

5. Phương pháp nghiên cứu

Cải tiến hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp sau cổ phần hoá là việc làm hết sức có ý nghĩa, vì nó xuất phát từ thực tế hoạt động tài chính của các doanh nghiệp này sau quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh, giữa cơ chế quản lý cũ, sang chế độ quản lý mới.

Luận văn sử dụng số liệu tổng kết từ báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh, và các thông tin tài chính khác của một số doanh nghiệp cổ phần hoá đóng trên địa bàn Hà Nội

Dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, phương pháp trừu tượng hoá khoa học, sử dụng lý thuyết kinh tế, sử dụng phương pháp khoa học của phân tích hoạt động kinh tế, thống kê, logic và các phương pháp toán kinh tế...

6. Dự kiến những đóng góp của luận văn

Hệ thống hoá những lý luận cơ bản về phân tích tài chính trong các công ty cổ phần.

Khái quát thực trạng hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội.

Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, phương pháp và tổ chức phân tích tài chính.

Những vấn đề cơ bản của cải tiến hoạt động phân tích tài chính trong doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn chia thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về hoạt động phân tích tài chính trong Công ty cổ phần.

Chương 2: Thực trạng hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội.

Chương 3: Một số giải pháp cải tiến hoạt động phân tích tài chính ở doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội.

Chương 1

Lý luận chung về hoạt động tài chính

tại doanh nghiệp công ty cổ phần

1.1. Khái niệm, đặc điểm của công ty cổ phần

Khái niệm:

Công ty cổ phần là một thực thể trong nền kinh tế được hình thành theo luật định, một doanh nghiệp đa chủ.

Điều 51 Luật Doanh nghiệp Việt Nam quy định, công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp trong đó:

- Vốn cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm và các khoản nợ.
- Cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác.
- Cổ đông có thể là tổ chức, các nhân, số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và

không hạn chế số lượng tối đa.

- Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo.
- Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân.

Đặc điểm:

Thứ nhất, CTCP là một doanh nghiệp tổ chức kinh doanh, có tư cách pháp nhân, tồn tại riêng biệt và độc lập với chủ sở hữu của nó. .

Thứ hai, trong nền kinh tế thị trường, CTCP được tự ấn định mục tiêu và xác định các phương tiện sử dụng để thực hiện các mục tiêu đó.

Thứ ba, về tài sản trong công ty cổ phần được hình thành từ những nguồn mang đặc điểm riêng biệt.

Thứ tư, cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn đã góp.

Thứ năm, về chức năng kinh tế của công ty cổ phần.

Thứ sáu, về cơ cấu lãnh đạo trong công ty cổ phần.

1.2. Tổ chức hoạt động phân tích tài chính ở các công ty cổ phần

1.2.1. Khái niệm về hoạt động phân tích tài chính

Hoạt động phân tích tài chính nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

- Tạo ra những chu kỳ đều đặn để đánh giá hoạt động quản lý.
- Hướng các quyết định của ban giám đốc theo hướng phù hợp.
- Phân tích tài chính là cơ sở dự đoán tài chính
- Phân tích tài chính doanh nghiệp là công cụ.

1.2.2. Vai trò của phân tích tài chính

Đối với các chủ doanh nghiệp và nhà quản trị doanh nghiệp

Đối với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Đối với nhà cung ứng (vật tư, hàng hoá, dịch vụ...).

Đối với nhà đầu tư.

Đối với các cổ đông.

Nhiều nhóm người khác quan tâm.

1.2.3. Phương pháp phân tích tài chính

Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp là cách thức tiếp cận đối tượng phân tích, bao gồm hệ thống các công cụ và biện pháp thông qua hệ thống các chỉ tiêu phân tích được chia thành các loại:

Phương pháp so sánh.

- So sánh theo chiều ngang.
- So sánh theo chiều dọc.
- So sánh xác định xu hướng và tính chất liên hệ giữa các chỉ tiêu.

Phương pháp liên hệ.

- Liên hệ cân đối:
- Phương pháp liên hệ thuận nghịch

Phương pháp liên hệ tương quan

Phương pháp loại trừ.

Phương pháp số chênh lệch

Phương pháp thay thế liên hoàn

Phương pháp đồ thị.

Phương pháp hồi quy và tương quan.

1.2.4. Quy trình tổ chức công tác phân tích tài chính

Nhiệm vụ của tổ chức phân tích tài chính là tạo ra mối liên hệ giữa các yếu tố của nội dung phân tích.

Lập kế hoạch phân tích:

Đây là giai đoạn đầu và là khâu chuẩn bị.

Phạm vi phân tích: Cần quan tâm ở đây là phân tích chuyên đề hay phân tích toàn diện..

Thời gian phân tích: Thời gian thực hiện phân tích là vấn đề cần được xem xét kỹ.

Thu thập, xử lý thông tin:

Các bộ phận trong doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Tiến hành công tác phân tích tài chính:

Công tác phân tích tài chính dựa trên cơ sở các yêu cầu về nội dung, phương pháp phân tích đã đề ra:

Một là đánh giá chung tình hình tài chính:

Hai là xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đối với đối tượng phân tích.

Ba là tổng hợp kết quả phân tích, rút ra kết luận, nguyên nhân tác động và đề xuất các giải pháp.

Lập bản báo cáo phân tích tài chính:

Đây là bước cuối cùng trong việc thực hiện công tác phân tích tài chính.

1.3. Đặc điểm về cơ chế tài chính và quản lý tài chính doanh nghiệp trước và sau cổ phần hoá

1.3.1 Doanh nghiệp Nhà nước trước cổ phần hoá

Doanh nghiệp nhà nước từ cuối thập niên 60 được nhìn nhận:

- Thiếu chủ động về tài chính.

- Trách nhiệm vật chất của người đại diện sở hữu không rõ ràng.
- Nguồn lực tài chính không tập trung.
- Hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp do cơ chế TC chưa năng động.
- Thiếu lành mạnh về tài chính, thiếu trách nhiệm trong quản lý
- Công tác phân tích tài chính chủ yếu để báo cáo theo quy định.
- Nhà nước can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh.

1.3.2 Doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá

- Hoàn toàn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính.
- Chủ động tìm kiếm, huy động nguồn lực tài chính trong xã hội.
- Minh bạch tài chính, tiến tới trở thành Công ty cổ phần công chúng.
- Tổ chức hạch toán, công tác tài chính chuẩn mực.
- Coi trọng công tác phân tích tài chính doanh nghiệp.
- Nhà nước với vai trò là một cổ đông của công ty.

1.4. Nội dung phân tích tài chính

- *Đánh giá khái quát tình hình tài chính:*

Đánh giá khái quát tình hình tài chính xác định thực trạng tài chính DN

- *Phân tích cơ cấu và sự biến động của vốn - nguồn vốn:*

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn là tỷ trọng của từng loại tài sản, nguồn vốn.

- *Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán:*

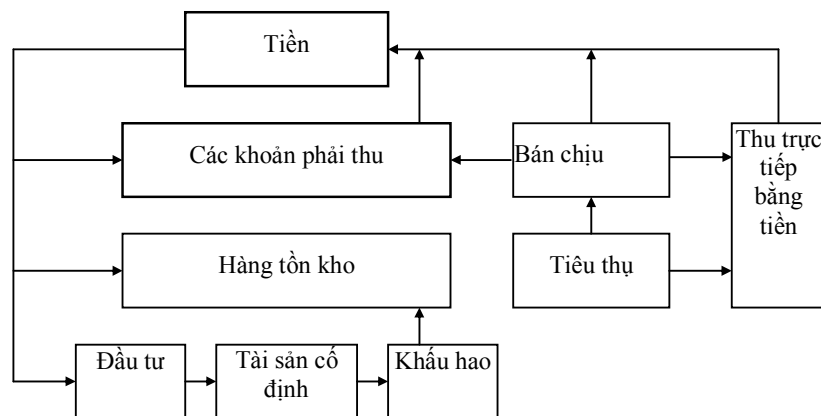
Tình hình thanh toán của doanh nghiệp.

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- *Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ:*

Phân tích mức độ tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tệ cung cấp thông tin cho người sử dụng cách đánh giá về sự thay đổi trong tài sản thuần.

Sơ đồ 1-1: Khái quát vòng lưu chuyển tiền tệ



- *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn:*

- *Phân tích rủi ro tài chính và dự báo nhu cầu tài chính:*

1.5. Ý nghĩa của chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu tài chính là một bộ phận của chỉ tiêu kinh tế dùng để đo lường và phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Thứ nhất: Chỉ tiêu phân tích tình hình và sự biến động của vốn .

Sơ đồ 1-2: Khái quát nguồn vốn đảm bảo cho HĐSXKD

Tổng tài sản	TSCĐ	TSCĐ hữu hình TSCĐ vô hình TSCĐ thuê mua Đầu tư dài hạn Vv...	Vốn chủ sở hữu	Thường xuyên	Nguồn tài trợ
			Vay dài hạn, trung hạn Nợ dài hạn, trung hạn		
TSLĐ	TSLĐ	Tiền Nợ phải thu Đầu tư ngắn hạn Hàng tồn kho Vv...	Vay ngắn hạn Nợ ngắn hạn Chiếm dụng bất hợp pháp	Tạm thời	Nguồn tài trợ

Thứ hai: Chỉ tiêu phân tích tình hình và khả năng thanh toán

Thứ ba: Chỉ tiêu phân tích hiệu quả vốn và khả năng sinh lợi.

Kết luận chương 1:

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về công ty cổ phần và hoạt động tài chính của Công ty cổ phần cho thấy:

Công ty cổ phần là Công ty có cơ cấu sở hữu vốn hỗn hợp, ở Việt Nam cổ phần hoá mới diễn ra được hơn 15 năm do vậy nó được coi là mới so với thế giới do vậy những mặt hạn chế trong quản trị tài chính trong đó có nội dung phân tích hoạt động tài chính chưa được hoàn thiện là có tính tất yếu khách quan.

Chương 2 Thực trạng hoạt động Tài chính và các doanh nghiệp như nước Sau các phần học, trên đây là phần kết

2.1. Đặc điểm của các công ty cổ phần được hình thành từ các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn Hà Nội

Quá trình đổi mới doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam được triển khai thí điểm vào năm 1992 dưới nhiều hình thức.

Hà Nội với vai trò là trung tâm kinh tế văn hoá, chính trị xã hội của cả nước nên Hà Nội cũng là nơi tập trung nhiều các DNNN hoạt động.

Các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội có đủ các loại hình, trong đó có tới 70% doanh nghiệp là các tổng công ty lớn, các doanh nghiệp độc lập trực thuộc các bộ ngành chiếm 93% vốn chủ sở hữu; 94% giá trị tài sản, 78% lao động, 89% doanh thu và 96% số nợ ngân sách là của doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn.

2.1.1. Khái quát về tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn Hà Nội

Năm 1998 Thành phố có 328 doanh nghiệp do nhà nước quản lý, đến cuối năm 2001, số doanh nghiệp giảm xuống còn 222 doanh nghiệp.

Giai đoạn (2001-2005) triển khai tổ chức lại, thành phố Hà Nội đã tiến hành cổ phần hoá được 92 doanh nghiệp Nhà nước.

2.1.2. Đánh giá chung về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội

Về huy động vốn:

Sau khi cổ phần hoá vốn điều lệ các Công ty nâng cao quy mô vốn.

Diện tích nhà xưởng cũng tăng đáng kể, sau cổ phần hoá: 29.404 m².

Hiệu quả sản xuất kinh doanh được nâng lên rõ rệt:

Theo số liệu khảo sát của 65 doanh nghiệp thì doanh thu tăng 1,8 lần

Tổng lợi nhuận thực hiện sau khi cổ phần tăng 236%

Về lợi nhuận sau thuế (lãi ròng) tăng 287%

Mức nợ ngân sách tăng 173% so với trước.

Giải quyết lao động, việc làm và thu nhập:

Thu nhập bình quân của người lao động tăng (tăng 31%).

2.2. Thực trạng hoạt động phân tích tài chính ở doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội

2.2.1 Tình hình hoạt động phân tích tài chính của các các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá ở Hà Nội

Phân tích khái quát tình hình tài chính

Mục đích của phân tích khái quát tình hình tài chính nhằm đưa ra những thông tin chung về tình hình tài chính.

Phân tích khái quát sự biến động của tài sản và nguồn vốn.

Bảng 2.1: Bảng phân tích khái quát biến động tài sản và nguồn vốn năm 2006 của Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Hà

TÀI SẢN	Mã số	Đầu năm	Cuối năm	% theo quy mô chung		Chênh lệch	
				Đầu năm	Cuối năm	Tuyệt đối	Tương đối
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	108.363,808	120.226,709	68,94%	72,06%	11.862,901	10,95%
(100 = 110+130+140+150)						-	
I- Tiền	110	12.688,162	19.614,041	8,07%	11,76%	6.925,879	54,59%
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	28.158,379	36.027,212	17,92%	21,59%	7.868,833	27,94%
III- Hàng tồn kho	140	65.865,725	63.455,956	41,91%	38,03%	(2.409,769)	-3,66%

TÀI SẢN	Mã số	Đầu năm	Cuối năm	% theo quy mô chung		Chênh lệch	
				Đầu năm	Cuối năm	Tuyệt đối	Tương đối
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150	1.651,540	1.129,498	1,05%	0,68%	(522,041)	-31,61%
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	48.813,498	46.626,534	31,06%	27,94%	(2.186,963)	-4,48%
(200 = 220+260)						-	
I- Tài sản cố định	220	48.526,027	42.599,277	30,87%	25,53%	(5.926,750)	-12,21%
II Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	82,304	-	0,05%	0,00%	(82,304)	-100%
III- Đầu tư dài hạn khác	260	287,471	4.027,257	0,18%	2,41%	3.739,786	1300,93%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270	157.177,306	166.853,244	100%	100%	9.675,937	6,16%
NGUỒN VỐN							
A- NỢ PHẢI TRẢ	300	93.944,167	94.032,385	59,77%	56,36%	88,218	0,09%
(300 = 310+330)						-	
I- Nợ ngắn hạn	310	73.023,381	77.037,882	46,46%	46,17%	4.014,500	5,50%
II- Nợ dài hạn	330	20.920,785	16.994,502	13,31%	10,19%	(3.926,282)	-18,7%
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	63.233,139	72.820,859	40,23%	43,64%	9.587,719	15,16%
(400 = 410+430)						-	
I- Vốn chủ sở hữu	410	59.873,943	68.628,237	38,09%	41,13%	8.754,294	14,62%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	40.156,202	40.156,202	25,55%	24,07%	-	0,00%
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	14.260,962	21.296,315	9,07%	12,76%	7.035,353	49,33%
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.076,778	1.700,790	0,69%	1,02%	624,012	57,95%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.380,000	5.474,928	2,79%	3,28%	1.094,928	25,00%
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	3.359,196	4.192,621	2,14%	2,51%	833,425	24,81%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	157.177,306	166.853,244	100%	100%	9.675,937	6,16%

Số liệu trong bản phân tích cho thấy tổng tài sản tăng 9.675,937 triệu đồng tương ứng tăng 6.16% giữa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phân tích các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông đã phân tích chỉ tiêu cơ cấu tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp năm 2007 như sau:

Bảng 2.2: Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản nguồn vốn - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông năm 2007.

Stt	Chỉ tiêu	Năm	Năm 2007	Chênh lệch
-----	----------	-----	----------	------------

		2006		
1	TSLĐ/Tổng tài sản	75,13%	81,27%	6,14%
2	TSCĐ/ Tổng tài sản	24,87%	18,73%	-6,14%
3	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	2,21	1,09	-1,12
4	Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	0,68	0,52	-0,16
5	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	31,62%	48,45%	16,83%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông năm 2007)

Phân tích các chỉ tiêu phản ánh tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất đầu tư.

Phân tích chỉ tiêu tỷ suất tự tài trợ với mục đích để đánh giá mức độ tự chủ về mặt tài chính của doanh nghiệp.

Bảng 2.3: Bảng phân tích các chỉ tiêu tự tài trợ và tỷ suất đầu tư - Công Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2007

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Chênh lệch
1	Tỷ suất tự tài trợ của vốn chủ sở hữu	26,99%	49,38%	22,39%
2	Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ của nguồn vốn chủ sở hữu	113%	193%	79,46%
3	Tỷ suất đầu tư TSCĐ	23,84%	25,63%	1,79%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2007)

Phân tích số liệu cho thấy tỷ suất tự tài trợ năm 2007 tăng 22,39% so với năm trước.

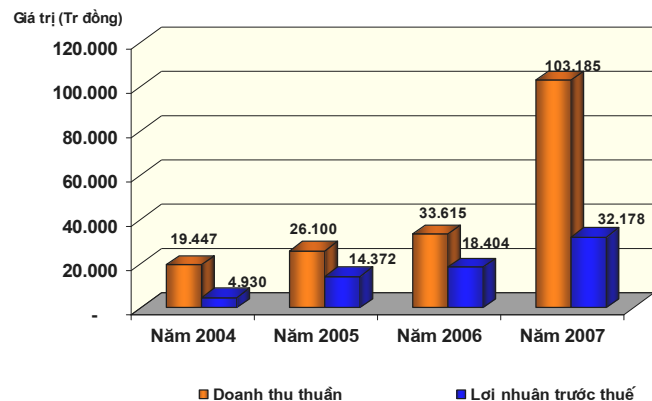
Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.4: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà từ khi cổ phần hoá đến nay:

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Doanh thu thuần	19.447	26.100	33.615	103.185
Lợi nhuận trước thuế	4.930	14.372	18.408	32.178

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà năm 2004 - 2007)

Biểu đồ 2.1: Doanh thu và lợi nhuận trước thuế qua các năm



Qua biểu đồ biểu diễn cho thấy lợi nhuận luôn tăng trưởng về quy mô.

Năm 2007 Công ty đã phân tích chỉ tiêu kết quả kinh doanh như sau:

Bảng 2.5: Bảng phân tích chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 - Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà

Đơn vị: 1000.000 VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2006	Năm 2007	Tăng, giảm	
				±	%
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	33.661,705	103.187,631	69.525,926	206,54
Doanh thu thuần	10	33.615,668	103.185,806	69.570,138	206,96
Giá vốn hàng bán	11	11.011,268	67.421,871	56.410,602	512,30
Lợi nhuận gộp về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	20	22.604,400	35.763,935	13.159,535	58,22
Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.741,113	17.064,216	7.323,103	75,18
Chi phí tài chính	22	82,190	798,287	716,097	871,27
Chi phí bán hàng	24	616,900	1.007,417	390,516	63,30
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.486,065	19.909,506	6.423,441	47,63
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	18.160,357	31.112,942	12.952,585	71,32
Thu nhập khác	31	282,715	1.624,647	1.341,932	474,66
Chi phí khác	32	34,600	559,145	524,545	1516,03
Lợi nhuận khác	40	248,115	1.065,502	817,387	329,44
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	18.408,472	32.178,444	13.769,971	74,80
Thuế TNDN	61	2.559,546	5.159,060	2.599,514	101,56

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2006	Năm 2007	Tăng, giảm	
				±	%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	63	15.848,926	27.019,384	11.170,458	70,48

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà năm 2006 - 2007)

Bảng phân tích cho thấy doanh thu năm 2007 có quy mô tăng đột biến, từ 33.661,705 triệu đồng năm 2006 tăng lên đến 103.187,631 triệu đồng

Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán

Hiện nay các doanh nghiệp đã chú trọng tới phân tích tình hình và khả năng thanh toán

Bảng 2.6: Phân tích tình hình thanh toán năm 2007 - Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông.

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
I. Các khoản phải thu	112.181,754	316.657,835	177.324,480	251.515,109
1. Phải thu của khách hàng	107.059,053	258.762,152	155.245,653	210.575,552
2. Trả trước cho người bán	3.399,327	53.574,118	18.124,771	38.848,674
3. Phải thu nội bộ				
4. Các khoản phải thu khác	1.723,374	4.321,565	3.954,056	2.090,883
II. Các khoản phải trả	300.554,683	313.810,564	200.621,269	413.743,978
I. Nợ ngắn hạn	225.691,418	283.018,096	149.217,368	359.492,146
a. Vay ngắn hạn	176.195,679	230.036,747	96.442,028	309.790,398
b. Phải trả người bán	26.043,010	20.032,423	29.481,679	16.593,754
c. Người mua trả tiền trước	392,424	487,826	233,750	646,500
d. Thuế và các khoản nộp NN	4.957,545	13.557,342	5.854,307	12.660,580
e. Phải trả công nhân viên	2.686,551	7.357,784	3.423,140	6.621,195
f. Chi phí phải trả	2.728,237	3.177,415	1.539,572	4.366,080
g. Phải trả nội bộ				
h. Phải trả phải nộp khác	12.687,972	8.368,559	12.242,892	8.813,639
2. Nợ dài hạn	74.863,265	30.792,468	51.403,901	54.251,832
a. Vay dài hạn	74.863,265	30.792,468	51.403,901	54.251,832
b. Nợ dài hạn				

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông năm 2007)

Phân tích bảng số liệu cho thấy tình hình thanh toán của Công ty gia tăng so với đầu năm

Bảng 2.7: Phân tích tình hình công nợ năm 2006 - Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex năm 2006

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số đầu cuối năm	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
I. Các khoản phải thu	338.535,489	35.362,574	482.041,344	32.217,558
1. Phải thu của khách hàng	299.075,918	34.638,973	467.598,807	32.217,558

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số đầu cuối năm	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
2. Trả trước cho người bán	6.884,886	723,601	10.789,502	
3. Phải thu nội bộ				
4. Các khoản phải thu khác	32.574,686		3.653,034	
II. Các khoản phải trả				
1. Nợ ngắn hạn	592.218,203		742.674,440	
a. Vay ngắn hạn	397.179,736		561.894,160	
b. Phải trả người bán	148.827,172		158.733,508	
c. Người mua trả tiền trước	2.660,701		1.820,992	
d. Thuế và các khoản nộp NN	8.576,268		9.170,098	
e. Phải trả công nhân viên	6.560,029		7.429,863	
f. Chi phí phải trả	911,047		791,330	
g. Phải trả nội bộ	23.880,085		128,796	
h. Phải trả phải nộp khác	3.623,165		2.705,693	
2. Nợ dài hạn	328,995		501,666	
a. Vay dài hạn				
b. Nợ dài hạn	328,995		501,666	

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex năm 2006)

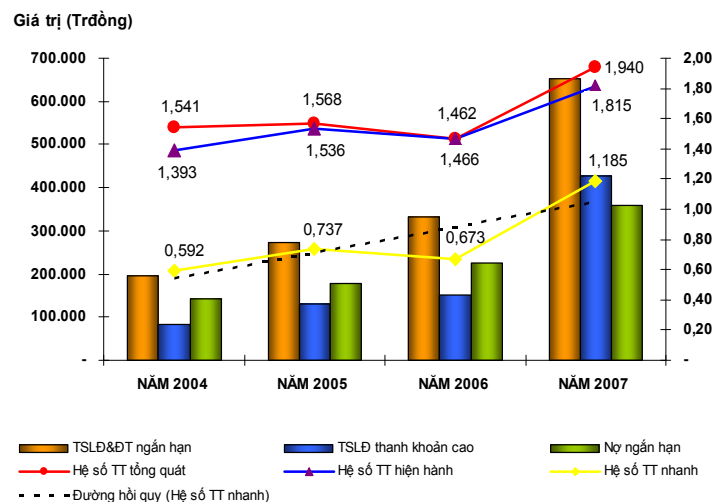
Qua bản phân tích cho thấy nợ phải thu cuối năm so với đầu năm tăng lên đáng kể, nợ quá hạn giảm so với đầu năm.

Bảng 2.8: Phân tích tình khả năng thanh toán Công ty CP Bông đèn Phích nước Rạng Đông năm 2004 - 2007.

CHỈ TIÊU	NĂM 2004	NĂM 2005	NĂM 2006	NĂM 2007
Tổng tài sản	260.973,000	327.500,000	440.476,535	802.647,102
Tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn	196.569,000	273.245,000	330.936,375	652.306,381
Tài sản tính thanh khoản cao	83.611,000	131.054,000	151.842,304	425.934,721
Nợ phải trả	169.325,000	208.830,000	301.199,351	413.743,980
Nợ ngắn hạn	141.129,000	177.922,000	225.691,421	359.492,148
Hệ số thanh toán tổng quát	1,541	1,568	1,462	1,940
Hệ số thanh toán hiện hành	1,393	1,536	1,466	1,815
Hệ số thanh toán nhanh	0,592	0,737	0,673	1,185

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông năm 2004 - 2007)

Đồ thị 2.1: Phân tích khả năng thanh toán Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông từ n 2004-2007.



Đồ thị biểu diễn khả năng thanh toán cho thấy giai đoạn 2004 - 2005 tất cả các hệ số thanh toán đều tăng.

Phân tích khả năng sinh lợi

Quản trị doanh nghiệp trong đó có quản trị tài chính luôn nhằm vào mục tiêu lợi.

Bảng 2.9: Phân tích khả năng sinh lợi - Công ty Cổ phần Thăng Long

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	10,31%	9,68%	8,36%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)	7,42%	8,32%	7,19%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	11,97%	7,63%	10,42%
Doanh lợi tài sản (ROA)	8,62%	6,56%	8,96%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	23,7%	24,5%	20,1%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Thăng Long năm 2005- 2007)

Quan sát số liệu phân tích trong bảng cho thấy qua các năm sự đem lại trên 1 đồng doanh thu tạo ra ra lợi nhuận giảm đi, năm 2006 đã giảm so với năm 2005 là 0,63%

Phân tích tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Các công ty cổ phần đã tiến hành phân tích tình hình tăng giảm TSCĐ.

Bảng 2.10: Phân tích tình hình tăng, giảm TSCĐ của Công ty Cổ phần Thăng Long năm 2007.

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị VP, DCQL	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	10.648,718	27.217,660	1.485,895	657,885	998,808	41.008,966
- Mua trong kỳ	-	70,140	190,571	81,718	-	342,429
- Đầu tư XDC	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-	-
- TL nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	17,653	-	17,653
Số dư cuối kỳ	10.648,718	27.287,800	1.676,466	721,949	998,808	41.333,742
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	4.025,151	9.600,374	714,514	347,044	452,899	15.139,983
- Khấu hao trong kỳ	1.063,316	2.623,205	178,366	86,262	97,050	4.048,200
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-	-
- TL, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	0,099	-	0,099
Số dư cuối kỳ	5.088,468	12.223,579	892,880	433,207	549,949	19.188,084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	6.623,567	17.617,286	771,381	310,841	545,909	25.868,982
	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	5.560,250	15.064,220	783,586	288,742	448,859	22.145,658

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Thăng Long năm 2007)

Quan sát số liệu trên bảng phân tích cho thấy trong năm 2007 sự đầu tư cho TSCĐ là khá nhỏ chỉ đạt 0,835%.

2.2.2. Tổ chức thực hiện công tác phân tích tài chính

Qua nghiên cứu thực tế trên một số Công ty cổ phần hoá có thời gian cổ phần hoá ít nhất là 2 năm, một thực trạng chung là:

Xuất phát từ vấn đề quản trị và điều hành chung của các doanh nghiệp sau cổ phần hoá còn mang đậm nét của DNNN

Chức năng giám đốc tài chính trong công ty Cổ phần hầu như bị bỏ ngỏ.

Một vấn đề tồn tại thực tế là sự vận dụng lý luận vào thực tiễn còn rất yếu kém.

2.3 Đánh giá chung về hoạt động phân tích tài chính của các doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội

2.3.1 Những vấn đề đạt được

Hoạt động phân tích tài chính đã được nhiều doanh nghiệp quan tâm.

Phân tích tài chính đã được lập định kỳ.

Phân tích tài chính đã tập trung đến các vấn đề cơ bản.

Thông tin phân tích tài chính tuy chưa đầy đủ nhưng đã giúp các nhà quản lý và quản trị điều hành doanh nghiệp.

2.3.2 Những mặt hạn chế

Đa số các doanh nghiệp NN trên địa bàn Hà Nội sau cổ phần hoá vẫn mang nặng tính quản lý và điều hành giống với DNNN.

Hoạt động phân tích chưa được tiến hành thường xuyên.

Mục đích của việc phân tích tài chính chưa hướng vào các mục tiêu.

Phương pháp phân tích sử dụng những phương pháp đơn giản.

Nội dung phân tích tài chính của các doanh nghiệp chưa đầy đủ

Công tác kế toán quản trị nội bộ chưa được xem trọng.

Các doanh nghiệp chưa xây dựng được bộ phận đảm nhiệm chức năng.

Kết luận chương 2:

Qua nghiên cứu thực tiễn tại một số Công ty cổ phần sau cổ phần hoá trên địa bàn Hà Nội cho thấy các doanh nghiệp quan tâm đến công tác phân tích tài chính và bắt đầu sử dụng thông tin phân tích tài chính trong việc ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp, nhưng công tác phân tích tài chính ở hầu hết các doanh nghiệp sau cổ phần hoá còn đơn giản, tiến hành được ít nội dung, phương pháp sử dụng trong phân tích chưa thực sự đảm bảo độ tin cậy cao

Chương 3 Mét số giải pháp cải tiến hoạt động phân tích tài chính ở doanh nghiệp nhà nước sau cải cách quản lý, trên địa bàn Hà Nội

3.1 Bối cảnh chung về tài chính và sự tiếp cận Quản trị tài chính trong các doanh nghiệp sau cổ phần hoá

Sau quá trình chuyển đổi doanh nghiệp thành Công ty cổ phần, nhiệm vụ trước tiên mà các doanh nghiệp cần phải làm là tái cấu trúc doanh nghiệp, nó không những có ý nghĩa là gây hình ảnh mới cho doanh nghiệp.

3.2. Phương hướng và giải pháp cải tiến hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá

3.2.1. Quan điểm cải tiến hoạt động phân tích tài chính

Để tồn tại và phát triển kinh tế, trong môi trường kinh tế cạnh tranh cao các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao trình độ tổ chức quản lý.

Cải tiến hoạt động phân tích gắn với việc hoàn thiện cơ chế quản lý trong công ty cổ phần.

Cải tiến hoạt động phân tích tài chính là điều kiện cần thiết để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cải tiến hoạt động phân tích tài chính là nâng cao năng lực quản trị tài chính.

3.2.2. Các giải pháp chủ yếu cải tiến hoạt động phân tích tài chính

3.2.2.1 Hoàn thiện phương pháp phân tích tài chính

Phương pháp so sánh

Hoàn thiện phương pháp này ở chỗ mở rộng đối tượng so sánh.

Phương pháp liên hệ

Ảnh hưởng của các nhân tố dưới dạng tổng.

Phương pháp loại trừ

Ở kỳ gốc các nhân tố ảnh hưởng đến F_0 là a_0, b_0, c_0

Xác định sự ảnh hưởng của nhân tố a , trong khi loại trừ ảnh hưởng của nhân tố b và nhân tố c ta được:

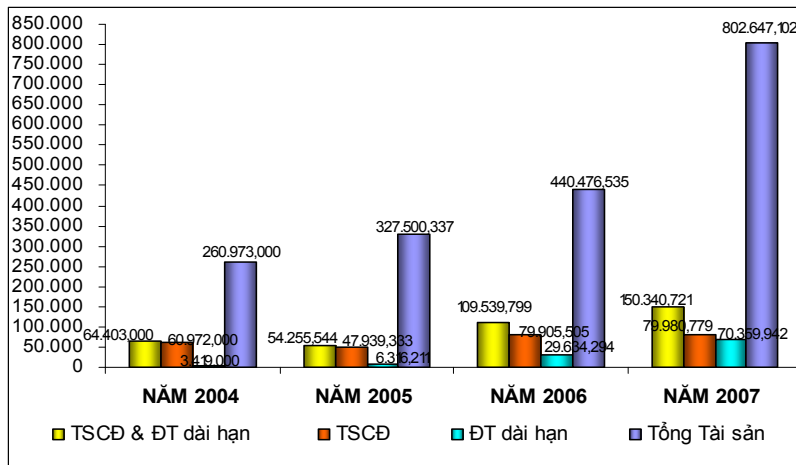
Phương pháp đồ thị

Bảng 3.1: Phân tích tỷ suất đầu tư - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

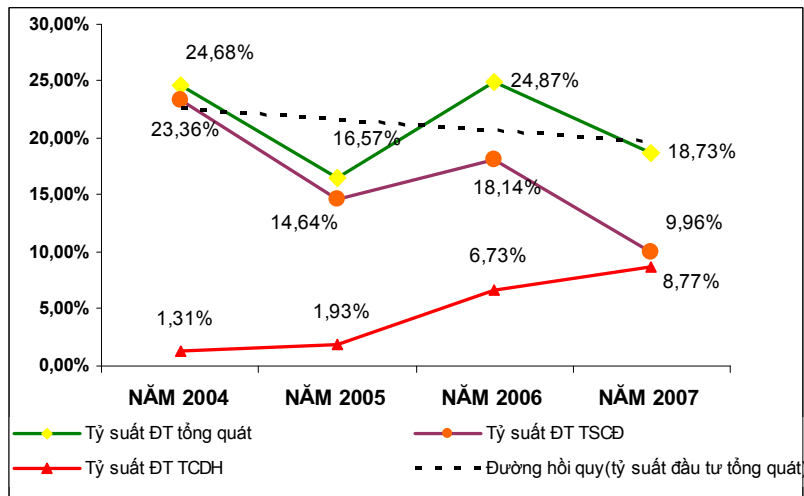
CHỈ TIÊU	NĂM 2004	NĂM 2005	NĂM 2006	NĂM 2007	Chênh lệch		
					05-04 (%)	06-05 (%)	07-06 (%)
TSCĐ & đầu tư dài hạn	64.403,000	54.255,544	109.539,799	150.340,721	-15,76	101,90	37,25
Tài sản cố định	60.972,000	47.939,333	79.905,505	79.980,779	-21,37	66,68	0,09
Đầu tư dài hạn	3.419,000	6.316,211	29.634,294	70.359,942	84,74	369,18	137,43
Tổng tài sản	260.973,000	327.500,337	440.476,535	802.647,102	25,49	34,50	82,22
Tỷ suất đầu tư tổng quát	24,68%	16,57%	24,87%	18,73%	-8,11%	8,30%	-6,14%
Tỷ suất đầu tư TSCĐ	23,36%	14,64%	18,14%	9,96%	-8,73%	3,50%	-8,18%
Tỷ suất đầu tư tài chính dài hạn	1,31%	1,93%	6,73%	8,77%	0,62%	4,80%	2,04%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông năm 2004 - 2007)

Biểu đồ 3.1: Phân tích tỷ suất đầu tư - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông



Đồ thị 3.1. Phân tích tỷ suất đầu tư - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông



Phương pháp dự đoán

Phương trình hồi quy đơn có dạng $Y = a + bx$

Trong đó: Y là biến độc lập; x là biến phụ thuộc.

$$b = \frac{\sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X})(Y_i - \bar{Y})}{\sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X})^2}$$

hay

$$b = \frac{\sum_{i=1}^n X_i Y_i - n \bar{X} \bar{Y}}{\sum_{i=1}^n X_i^2 - n \bar{X}^2}$$

$$a = \bar{Y} - b\bar{X}$$

Phương trình hồi quy đa biến như sau:

$$Y = b_0 + b_1 x_1 + b_2 x_2 + \dots + b_i x_i + \dots + b_n x_n + e$$

Trong đó:

Y: là biến phụ thuộc được hiểu là ước lượng (Y)

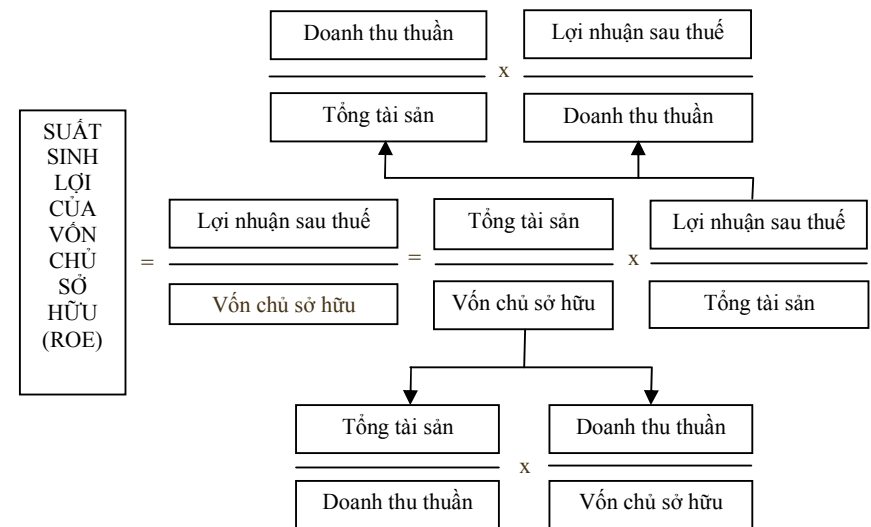
b_0 là tung độ gốc, b_i các độ dốc của phương trình theo biến x_i

x_i là các biến độc lập (nhân tố ảnh hưởng)

e là các sai số

Phương pháp Dupont

Sơ đồ 3.1: Vận dụng phương pháp Dupont để phân tích ROE



3.2.2.2 Hoàn thiện tổ chức phân tích tài chính

Về tổ chức lực lượng phân tích tài chính

Về xây dựng quy trình tổ chức công tác phân tích tài chính

* Lập kế hoạch phân tích là công việc đầu tiên của quy trình

Bảng 3.2: Kế hoạch phân tích hoạt động tài chính

Stt	Nội dung	Chi tiết
1	Mục tiêu phân tích	Phân tích năng lực TSCĐ
2	Nội dung phân tích	Phân tích các chỉ tiêu, tỷ suất đầu tư, ..
3	Phạm vi phân tích	Toàn đơn vị
4	Phân công công tác Thu thập tài liệu Kiểm tra tài liệu	Nhóm 1: Quản lý TSCĐ cung cấp tài liệu của TS Nhóm 2: Phụ trách khấu hao ... Ông A: Chuyên gia phân tích
5	Thời gian phân tích	Từ ngày.... đến ngày.... ngày... tháng.... năm
6	Kinh phí thực hiện	20.000.000 VNĐ

* Thu thập và kiểm tra tài liệu

* Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp phân tích

* Nghiệm thu và viết báo cáo phân tích

3.2.2.3 Tăng cường thông tin phục vụ phân tích tích tài chính

Xây dựng hệ thống thông tin hiện đại

3.2.2.4 Xây dựng và hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp cổ phần.

Hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu này là việc xây dựng và bổ sung các chỉ tiêu cần thiết.

Xây dựng chỉ tiêu phân tích tỷ suất đầu tư, tài trợ, cơ cấu vốn:

Tỷ suất đầu tư tổng quát:

$$\text{Tỷ suất đầu tư tổng quát} = \frac{\text{Tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất đầu tư tài chính dài hạn:

$$\text{Tỷ suất đầu tư tài chính dài hạn} = \frac{\text{Trị giá các TS tài chính dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất đầu tư TSCĐ:

$$\text{Tỷ suất đầu tư TSCĐ} = \frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất đầu tư dài hạn khác:

$$\text{Trị giá các khoản đầu tư dài hạn khác}$$

$$\text{Tỷ suất đầu tư dài hạn khác} = \frac{\text{---}}{\text{---}}$$

Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ:

Tổng tài sản

Vốn chủ sở hữu

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ} = \frac{\text{---}}{\text{Tài sản cố định}}$$

Tỷ suất tài trợ chung:

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ chung} = \frac{\text{---}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$

Nguồn VCSH

Tổng tài sản

Tỷ số nợ:

Tổng số nợ phải trả

$$\text{Tỷ số nợ} = \frac{\text{---}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Xây dựng chỉ tiêu phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán tổng quát

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng Tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Hệ số thanh toán ngắn hạn

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số thanh toán nhanh:

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản lưu động - dự trữ}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế \& lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

Vòng quay các khoản phải thu:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{---}}$$

Số dư bình quân các khoản phải thu

Kỳ thu tiền trung bình

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{\text{Các khoản phải thu} \times 360 \text{ ngày}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Xây dựng chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng vốn, thông qua sức sản xuất của vốn.

Sức sản xuất của toàn bộ tài sản (Total asset turnover):

$$\text{Sức sản xuất của toàn bộ tài sản} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Hay viết lại:

$$\text{Sức sản xuất của toàn bộ tài sản} = \text{Hệ số tự tài trợ} \times \text{Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu}$$

Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu (Total equity turnover):

$$\text{Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Hay viết lại:

$$\text{Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu}}{\text{Sức sản xuất của toàn bộ tài sản}}$$

Do đặc điểm luân chuyển của tài sản ngắn hạn nên

$$\frac{\text{Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn}}{\text{Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Tổng số luân chuyển thuần}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Trong đó:

$$\text{Tài sản ngắn hạn bình quân tháng} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn đầu tháng} + \text{Tài sản ngắn hạn cuối tháng}}{2}$$

$$\text{Tài sản ngắn hạn bình quân năm} = \frac{V_{1/2} + V_2 + \dots + V_{n-1} + V_{n/2}}{n - 1}$$

Trong đó:

- $V_1, V_2, \dots, V_n$ là giá trị tài sản ngắn hạn hiện có vào đầu các tháng.
- n là số tháng.

$$\text{Thời gian của một vòng luân chuyển} = \frac{\text{Thời gian trong kỳ}}{\text{Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn}}$$

Xây dựng chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng vốn, thông qua khả năng sinh lợi của vốn

Khả năng sinh lợi của tổng tài sản (ROA)B

$$\text{Khả năng sinh lợi của tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Hay:

$$\text{Khả năng sinh lợi của tổng tài sản} = \frac{\text{Khả năng sản xuất của tổng tài sản}}{\text{Khả năng sản xuất của tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu}}$$

Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Hay:

$$\text{Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu}}{\text{Sức sản xuất của tài sản}} \times \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}$$

Trong đó:

$$\text{Sức sản xuất của tài sản} \times \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}} = \text{Khả năng sinh lợi của tổng tài sản}$$

Cách viết khác:

$$\text{Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu}}{\text{Khả năng sinh lợi của tổng tài sản}}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Hay:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Hệ số tài sản trên doanh thu thuần}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}$$

Suất sinh lời của vốn cổ phần thường (Return on common equity - ROCE)

$$\text{Suất sinh lời của vốn cổ phần thường} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi}}{\text{Vốn cổ phần thường bình quân}}$$

Lợi nhuận mỗi cổ phiếu thường (EPS)

$$\text{Lợi nhuận cho mỗi cổ phiếu thường} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi}}{\text{Số cổ phiếu thường bình quân}}$$

Hệ số giá cả so với lợi nhuận cổ phiếu (Price/Earnings Ratio)

$$\text{Hệ số giá cả so với lợi nhuận cổ phiếu} = \frac{\text{Giá thị trường của mỗi cổ phiếu}}{\text{Lợi nhuận cho mỗi cổ phiếu}}$$

Mức chi trả cổ tức so với lợi nhuận cổ phiếu (Dividend Payout)

$$\text{Mức chi trả cổ tức so với lợi nhuận cổ phiếu} = \frac{\text{Mức cổ tức chi trả cho mỗi cổ phiếu thường}}{\text{Lợi nhuận cho mỗi cổ phiếu}}$$

Hệ số giá thị trường so với giá trị sổ sách

$$\text{Hệ số giá trị thị trường so với giá trị sổ sách} = \frac{\text{Giá thị trường của mỗi cổ phiếu thường}}{\text{Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu thường}}$$

Trong đó, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu thường tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu thường} = \frac{\text{Tổng vốn chủ sở hữu - Số cổ phần ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu thường lưu hành}}$$

Phân tích rủi ro tài chính và dự báo nhu cầu tài chính

Giá trị kỳ vọng là giá trị bình quân gia quyền của một tập hợp các giá trị tài chính cần xem xét đến vấn đề rủi ro của nó

$$E(R) = \sum_{i=1}^n R_i \times P_i$$

$E(R)$ là giá trị kỳ vọng

R_i là giá trị ứng với khả năng i

P_i là xác suất xảy ra khả năng i

Độ lệch chuẩn (σ) được xác định bằng công thức:

$$\sigma = \sqrt{\sum_{i=1}^n (R_i - E(R))^2 \times P_i}$$

(σ) đo lường sự phân tán hay sai biệt giữa giá trị thực tế ứng với từng trường hợp so với giá trị kỳ vọng

Hệ số biến thiên lớn, rủi ro tài chính cao và ngược lại.

Dự báo nhu cầu tài chính là ước tính về cầu tài chính trong tương lai gần.

Bước 1: Xác định mối quan hệ thuận nghịch của các chỉ tiêu

Bước 2: Tìm trị số dự báo của các nhóm

Bước 3: Lập báo cáo tài chính dự báo

Bước 4: Xác định lượng vốn thừa thiếu

$$\text{Số vốn thừa (+) hoặc thiếu (-) ứng với mức doanh thu thuần mới} = \text{Tổng nguồn vốn dự báo} - \text{Tổng tài sản dự báo}$$

Bước 5: Xác định lượng tiền thuần lưu chuyển trong kỳ

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền và tương đương tiền} & = & \text{Vốn chủ sở hữu} & + & \text{Nợ phải trả} & - & \text{Tài sản dài hạn} \\ & & & & & & \text{Đầu tư tài chính ngắn hạn} \\ & & & & & & \text{Phải thu ngắn hạn} \\ & & & & & & \text{Hàng tồn kho} \\ & & & & & & \text{Tài sản ngắn hạn khác} \end{array}$$

$$\text{Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ} = \text{Lượng tiền tăng (thu vào) trong kỳ} - \text{Lượng tiền giảm (chi ra) trong kỳ}$$

Kết luận chương 3

Các giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả của hoạt động phân tích tài chính của các DNN sau cổ phần hoá hiện nay là vấn đề được hầu hết các doanh nghiệp quan tâm, từ nghiên cứu thực trạng hoạt động phân tích tài chính của các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá cho thấy phải cải tiến từng bước các hoạt động này tiến tới hoàn thiện và chuẩn mực hoá công tác phân tích tài chính là yếu tố vô cùng quan trọng có tính chất bản lề cho sự quản lý tài chính một cách khoa học và hiệu quả, trên quan điểm toàn diện thì các giải pháp đồng bộ, mục quản lý tiêu rõ ràng, nội dung và việc tổ chức thực hiện nhất quán thì hiệu quả quản lý sẽ được nâng cao.

KẾT LUẬN chung

Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn đổi mới hiện nay. Quyết tâm đổi mới và phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng để phát triển kinh tế đất nước. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để hiệu quả hoá hoạt động kinh tế của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Quá trình cổ phần hoá là thay đổi về mặt hình thức loại hình doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế của nó không phụ thuộc vào quá trình diễn ra và trở thành doanh nghiệp cổ phần, có thể nói cổ phần hoá là chuyển đổi doanh nghiệp sang một mô hình doanh nghiệp mà trong đó các đặc điểm, bản chất kinh tế của nó phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường, để một Công ty cổ phần làm ăn hiệu quả thì việc hiệu quả hoá các hoạt động kinh tế và quản lý của nó quyết định. Hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp, hướng cải tiến và hoàn thiện nó hết sức quan trọng là một trong những nhân tố tạo nên sự quản lý tài chính có tính chuyên nghiệp và khoa học và hiệu quả.

Từ ý nghĩa trên đề tài ***Cải tiến hoạt động phân tích tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước sau CPH trên địa bàn Hà Nội*** được tiến hành, quá trình nghiên cứu một cách khoa học và khách quan với mục đích đề xuất được những giải pháp thích hợp góp phần giải quyết các tồn tại trong hoạt động phân tích tài chính của các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá.